

# VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VÀ LỊCH SỬ DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

PHẠM HỒNG TUNG. Văn hoá chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hoá chính trị. H.: Chính trị quốc gia, 2008, 412tr.

VIỆT KHANH  
giới thiệu

Như tác giả của công trình cho biết trong *Lời mở đầu* của cuốn sách thì cuốn sách này chỉ là “*khám phá bước đầu về văn hóa chính trị và là một thử nghiệm vận dụng cách tiếp cận văn hóa chính trị vào nghiên cứu một số vấn đề lịch sử*”. Cách đặt vấn đề như vậy của tác giả là thận trọng và đúng mực, bởi lẽ những công trình nghiên cứu về văn hóa chính trị ở nước ta chưa xuất hiện nhiều. Trước đó đúng 10 năm, Nhà xuất bản Văn hóa đã công bố công trình của Nguyễn Hồng Phong “*Văn hóa chính trị Việt Nam: truyền thống và hiện tại*”, và từ đó đến nay chưa có nhiều nghiên cứu cơ bản về vấn đề này được ấn hành. Đặc biệt, chưa có công trình nào giới thiệu những lý thuyết và cách tiếp cận của khoa học chính trị hiện đại trên thế giới về văn hóa chính trị và sự vận dụng những cách tiếp cận đó vào việc nghiên cứu trong các khoa học xã hội và nhân văn.

Cuốn sách của tác giả Phạm Hồng Tung là một tập hợp gồm 14 chuyên

luận, được chia làm hai nhóm chính như sau:

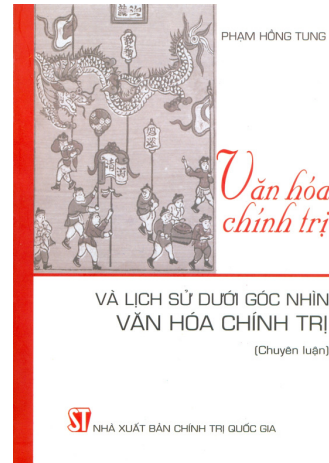
*Nhóm thứ nhất* gồm 5 chuyên luận, trong đó chuyên luận đầu tiên tập trung giới thiệu những lý thuyết và cách tiếp cận có ảnh hưởng lớn nhất của giới nghiên cứu văn hóa chính trị phương Tây đối với văn hóa chính trị và các đối tượng nghiên cứu khác có liên quan, như hệ thống chính trị, môi trường chính trị, quá trình chính trị và quyền lực chính trị v.v... Trước hết, về phạm trù “văn hóa chính trị”, tác giả đã hệ thống hóa, so sánh và giới thiệu cách định nghĩa và tiếp cận chủ yếu của một số trường phái khoa học chính trị ở Mỹ và Đức. Theo đó, tuy xuất phát từ những lý thuyết học thuật khác nhau, nhưng giới khoa học chính trị phương Tây đều nhất quán coi văn hóa chính trị là “*chiều cạnh chủ quan của những cơ sở xã hội của các hệ thống chính trị*”, bởi lẽ hầu như tất cả các trường phái nghiên cứu văn hóa chính trị ở phương Tây đều dựa trên những luận điểm được hai tác giả người Mỹ là Gabriel A.

Almond và Sidney Verba nêu ra lần đầu tiên vào năm 1963 trong công trình “*The Civic Culture*” (Văn hóa công dân). Vì vậy, trong chuyên luận này, tác giả Phạm Hồng Tung đã có chủ ý rõ ràng khi giới thiệu khá chi tiết những luận điểm và cách tiếp cận của hai tác giả trên, đặc biệt là cách thức các ông luận chứng để nêu ra sơ đồ và hệ quy chiếu để phân loại, mô hình hóa và so sánh những đặc điểm của ba loại hình văn hóa chính trị tiêu biểu, trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét tổng quát có tính chỉ dẫn về phương pháp nghiên cứu văn hóa chính trị.

Tiếp đó, chuyên luận cũng giới thiệu một cách tiếp cận mới đối với văn hóa chính trị ở phương Tây. Đó là cách tiếp cận do Aaron Wildavsky đề xuất từ năm 1987. Nếu Gabriel A. Almond và Sidney Verba đặt trọng tâm nghiên cứu của mình vào các định hướng chính trị (*political orientation*) của người dân đối với các “khách thể chính trị” (*political objectives*), thì A. Wildavsky lại coi bản chất của chính trị chính là sự lựa chọn chính trị (*political preference*). Đây chính là căn cứ để A. Wildavsky đề xuất mô hình phân loại và cách tiếp cận mới đối với văn hóa chính trị của các nhóm xã hội và các dân tộc.

Nếu trong chuyên luận thứ nhất tác giả chủ yếu tập trung vào việc giới thiệu những cách định nghĩa, lý thuyết và cách tiếp cận của giới nghiên cứu phương Tây đối với phạm trù “văn hóa chính trị” theo kiểu “*thuật nhi bất tác*”, thì chuyên luận thứ hai là kết quả nghiên cứu độc lập của chính tác giả về mối quan hệ giữa môi trường chính trị, hệ thống chính trị, quá trình chính trị và văn hóa chính trị. Đây là những vấn đề đã được bàn luận khá sôi nổi ở nước ngoài, nhưng dường như vẫn còn khá xa lạ với giới nghiên cứu Việt

Nam. Trong khuôn khổ một chuyên luận, Phạm Hồng Tung tham gia vào cuộc thảo luận đó theo cách riêng của mình: đặt những vấn đề mang tầm lý thuyết của khoa học chính trị phương Tây vào trong khung cảnh nền chính trị và văn hóa chính trị phương Đông và Việt Nam để



phân tích, lập luận và đưa ra kiến giải riêng của mình. Nhờ đó mà tác giả vừa trình bày tổng quát, nhưng rất cụ thể và sâu sắc được mối tương tác biện chứng

giữa các yếu tố nói trên.

Trong chuyên luận thứ ba, tác giả cuốn sách giới thiệu một cách khái quát những luận điểm cơ bản của sáu tác giả phương Tây nổi tiếng về xã hội, nền chính trị và văn hóa chính trị phương Đông, là: Karl Marx, Max Weber, Karl August Wittfogel, Harry J. Benda, Benedict Anderson và Clark Neher. Trong số những tác giả này, có những tác giả đã trở nên rất quen thuộc ở Việt Nam như K. Marx hay Max Weber, nhưng các tác giả khác dường như còn khá xa lạ. Song, theo tác giả, trong công trình này ông không thể và cũng không đặt ra mục đích giới thiệu toàn bộ những luận điểm của các tác giả trên về các vấn đề khác nhau, mà ngược lại, chỉ tập trung giới thiệu và phân tích những luận điểm có liên quan đến nền chính trị và văn hóa chính trị Á Đông và Việt Nam mà thôi. Đây là một chuyên luận có giá trị tham khảo rất tốt cho giới nghiên cứu KHXH Việt Nam.

Hai chuyên luận thứ năm và thứ sáu tập trung thảo luận về một chủ đề chuyên biệt: khái niệm về lối sống, thanh niên và lối sống thanh niên. Vấn đề thứ nhất được tác giả tập trung làm rõ chính là tính tương đồng, chồng lấp và khác biệt giữa hai khái niệm “văn hóa” và “lối sống”. Không ít nhà nghiên cứu từng đánh đồng hai khái niệm này. Sau khi tham bác khá rộng rãi các ý kiến khác nhau của giới nghiên cứu trong và ngoài nước, Phạm Hồng Tung cho rằng lối sống chỉ là “những chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người” (tr.146).

Vận dụng quan điểm này vào nghiên cứu lối sống của một đối tượng cụ thể là thanh niên Việt Nam, sau khi chỉ ra những đặc điểm xã hội, văn hóa, tâm lý học, sử học v.v... của thanh niên với tính cách là một nhóm xã hội đặc thù, tác giả đã chỉ ra những bất cập cần lưu ý của những nghiên cứu về thanh niên dựa trên lý thuyết “tiểu văn hóa” (*subculture theory*) vốn đang rất thịnh hành ở phương Tây hiện nay. Cách tiếp cận mà Phạm Hồng Tung đề xuất cho việc nghiên cứu về thanh niên là cách tiếp cận đa chiều (*multi-dimensional approach*) và liên ngành (*interdisciplinary approach*). Tuy nhiên, như tác giả thừa nhận, vì nhiều lý do đây là những cách tiếp cận không dễ vận dụng trong thực tiễn.

*Nhóm thứ hai* gồm 9 chuyên luận về một số vấn đề của lịch sử Việt Nam cận đại được tiếp cận chủ yếu từ khía cạnh văn hóa chính trị. Trên cơ sở cho rằng lịch sử xã hội là do con người sáng tạo nên trong những điều kiện lịch sử nhất định và theo những cách thức nhất định – mà cách thức này lại do nền tảng văn hóa – tổng hòa của các điều kiện khách quan và

chủ quan của hoạt động sống của con người quy định, vì vậy, khám phá các sự kiện và quá trình lịch sử từ góc độ văn hóa chính trị có thể mang lại những nhận thức mới về các hiện tượng và quá trình đó. Ở đây, tác giả mới chỉ chọn một số sự kiện và quá trình lịch sử của lịch sử Việt Nam cận đại cho nghiên cứu thử nghiệm của mình.

*Nhóm sự kiện và quá trình lịch sử thứ nhất liên quan đến ý thức dân tộc, phương thức hình dung về cộng đồng dân tộc và tâm thức dân tộc của người Việt Nam.* Đây là những vấn đề được đề cập tới trong các chuyên luận số 7, 8 và 9. Đề cập tới cách định nghĩa về phạm trù “nhà nước – dân tộc” tác giả Phạm Hồng Tung chỉ ra yếu tố cốt lõi nhất của một nhà nước – dân tộc chính là cách thức các thành viên của cộng đồng ấy chia sẻ một hình dung chung về cộng đồng nhà nước – dân tộc, trên cơ sở đó hình thành nên ý thức dân tộc – yếu tố tạo nên sự cố kết của cộng đồng quốc gia dân tộc. Đây là kết quả của việc tác giả vận dụng lý thuyết về “cộng đồng tưởng tượng” (*imagined community*) do Benedict Anderson đề xuất. Đi xa hơn, dựa trên những cứ liệu lịch sử xác đáng, Phạm Hồng Tung đã chỉ ra, có ít nhất hai phương thức hình dung khác nhau về cộng đồng quốc gia – dân tộc, đó là phương thức hình dung loại trừ (*exclusive imagination*) và cách hình dung không loại trừ (*inclusive imagination*) đã từng tồn tại trong lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam.

Vấn đề thứ hai được tác giả cuốn sách đặt ra để thảo luận là lịch sử quá trình hình thành dân tộc Việt Nam. Đây là vấn đề đã và vẫn còn đang được bàn thảo sôi nổi trên văn đàn khoa học ở trong và ngoài nước. Trên cơ sở tổng quan những

cách tiếp cận chủ yếu của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đối với vấn đề lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam, tác giả chỉ ra những bất cập và phiến diện của các cách tiếp cận đó, nhất là việc quá nhấn mạnh vào vai trò của một số yếu tố bên trong hay bên ngoài nào đó, như nạn ngoại xâm, tổ chức nền nông nghiệp trồng lúa nước và công cuộc trị thủy, Nho giáo hay vai trò của làng xã v.v..., trong khi không chú trọng đầy đủ đến quá trình hình thành và phát triển của ý thức dân tộc. Kết quả của những cách tiếp cận nói trên là sự trình bày phiến diện, một chiều về lịch sử dân tộc Việt Nam trong các bộ “quốc sử” trước đây và các sách giáo khoa lịch sử hiện nay: chỉ chú trọng trình bày lịch sử “chính thống” của “dòng chủ lưu” trong hành trình lịch sử của cộng đồng dân tộc Việt Nam, đồng thời bỏ ngỏ lịch sử của những cộng đồng người gia nhập muộn hơn vào quá trình dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một cách hiểu mới về lịch sử dân tộc Việt Nam: đó phải là lịch sử của tất cả những cộng đồng người đã từng sinh sống trên bờ cõi Việt Nam hiện nay và sự tương tác giữa những cộng đồng người đó để hình thành nên một quốc gia – dân tộc Việt Nam.

*Nhóm sự kiện và quá trình lịch sử thứ hai* là một số vấn đề liên quan tới cuộc vận động giải phóng dân tộc và duy tân đất nước trong thời kỳ 1900-1945, bao gồm các chuyên luận số 6, 10, 11, 12, 13 và 14, trong đó, mỗi chuyên luận đi sâu tìm hiểu về một vấn đề được tiếp cận theo hướng liên ngành lịch sử và văn hóa chính trị. Có chuyên luận là một nghiên cứu công phu, tổng quát về lịch sử tương tác giữa hai nền văn minh phương Đông và phương Tây trong các hình thức cụ thể của quá trình thực dân hóa và phi thực dân hóa thời cận đại, trong khi một số

chuyên luận khác lại khảo cứu những khía cạnh mới của các vấn đề cụ thể như: triết lý giáo dục của Trường Đông Kinh Nghĩa thực, hệ luận quốc tế của cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu lãnh đạo v.v... Một số vấn đề được tác giả đề cập đến không phải là vấn đề mới, nhưng lại được soi rọi, phân tích dưới góc nhìn mới, như vấn đề bản chất phát xít của tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ II, vấn đề bản thể chính trị của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam hay vấn đề củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 v.v....

Trong số những chuyên luận thuộc nhóm thứ hai này, những vấn đề mà tác giả nêu ra trong chuyên luận số 6 “Đông Á trước những biến chuyển của thế giới và nguy cơ xâm thực của chủ nghĩa thực dân phương Tây” là những vấn đề rất đáng được quan tâm, và quan trọng hơn, đối với mỗi vấn đề tác giả đều nêu ra những kiến giải mới, sắc sảo. Trước hết là vấn đề bản chất của chủ nghĩa thực dân hiện đại. Lần đầu tiên ở Việt Nam, tác giả đã đặt vấn đề xem xét về bản chất của chủ nghĩa thực dân trong bối cảnh của toàn bộ lịch sử của quá trình tiếp xúc và đụng độ giữa văn minh phương Đông và văn minh phương Tây. Tiếp đó, tác giả đã chỉ ra, rằng chủ nghĩa thực dân thời cận đại chính là một sản phẩm lịch sử của chủ nghĩa tư bản Tây Âu, với cả những mặt tích cực và tiêu cực của nó được bộc lộ ra trong quá trình bành trướng, xâm thực thế giới của nó. Lịch sử xâm thực của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông và Đông Nam Á cũng được tác giả trình bày khái quát và theo một cách tiếp cận mới. Theo tác giả thì trong hai giai đoạn bành trướng của nó, chủ nghĩa thực dân phương Tây đã bộc lộ hai hình thức và hai

bản chất khác nhau. Giai đoạn những năm 1511-1799 được tác giả gọi là “thời kỳ chủ nghĩa thực dân thương mại”, trong khi giai đoạn tiếp theo, từ năm 1800 đến đầu thế kỷ XX được gọi là “thời kỳ sung mãn của chủ nghĩa thực dân” hay “chủ nghĩa thực dân đế quốc”. Tác giả cũng khảo sát những phương thức ứng phó của các dân tộc Đông Á đối với nguy cơ xâm thực của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Ba mô hình ứng phó chủ yếu được tác giả chỉ ra là: chấp nhận, kháng chiến và cải cách, trong đó chỉ có con đường cải cách là con đường đúng đắn nhất, có thể giúp cho các dân tộc Á Đông bảo vệ được chủ quyền dân tộc và tiến theo con đường tự cường, hiện đại hóa. Đây chính là những luận cứ quan trọng để tác giả tham gia vào cuộc bàn thảo về ý nghĩa của các cuộc vận động cải cách nổ ra ở Đông Á thời cận đại với những kiến giải mới.

Chuyên luận số 11, đi sâu tìm hiểu về “hệ luận quốc tế” và vấn đề “vọng ngoại” trong chiến lược cứu nước của Phan Bội Châu, cũng là một nghiên cứu đáng chú ý. Theo tác giả, Phan Bội Châu trước hết là một nhà Nho yêu nước, đồng thời là một lãnh tụ của phong trào Duy Tân. Tuy Phan Bội Châu chủ trương cứu nước theo con đường bạo động, nhưng ông trước hết là một nhà Duy Tân lớn, luôn cổ vũ cho cuộc vận động canh tân đất nước theo mô hình hiện đại hóa kiểu phương Tây. Yêu nước và duy tân chính là động cơ gốc, là bản chất tư tưởng yêu nước của Phan Bội Châu. Xuất phát từ đó mà ông chủ trương cầu ngoại viện để đánh đổ ách thống trị thực dân của người Pháp. Và chính vì vậy, khi cầu ngoại viện thất bại thì Phan Bội Châu đã nhanh chóng chuyển sang con đường “cầu học” và xướng ra phong trào Đông Du nổi tiếng. Tác giả cuốn sách còn đi sâu phân tích và chỉ ra ảnh hưởng của “chủ nghĩa Đác-uyn xã hội” (“Social

Darwinism”) đối với tư tưởng của Phan Bội Châu và các nhà Nho cấp tiến cùng thế hệ với cụ (tr.311-314). Đây là quan điểm mà Trần Văn Giàu, David G. Marr và Masaya Shiraisi đã nêu ra nhưng còn chưa nhận được sự tán đồng mạnh mẽ của giới nghiên cứu ở Việt Nam. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã luận giải điều này với những cứ liệu lịch sử chắc chắn. Nhờ đó mà những kiến giải mới của tác giả về hệ luận quốc tế trong chiến lược cứu nước của Phan Bội Châu mang tính thuyết phục cao.

Vấn đề này tiếp tục được tác giả làm sáng tỏ trong các chuyên luận số 10 và 12 khi thảo luận về triết lý giáo dục của trường Đông Kinh Nghĩa thực và sự hình thành và phát triển của một bản thể văn hóa chính trị mới trong phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại. Những nghiên cứu của Phạm Hồng Tung được công bố trong tập chuyên luận này rõ ràng đã mở đường cho việc nghiên cứu về cách tiếp cận văn hóa chính trị đối với vấn đề dân tộc ở Việt Nam thời kỳ cận đại.

Chuyên luận số 13 đề cập đến một vấn đề khá đặc biệt của lịch sử cận đại Việt Nam: bản chất chính trị phát xít của tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Đông Dương do Jean Decoux cầm đầu trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ II. Từ sau năm 1945, trên thế giới đã xuất hiện ngày càng nhiều những công trình nghiên cứu sâu sắc về chủ nghĩa phát xít – kẻ đã gây ra cuộc Chiến tranh Thế giới thứ II khủng khiếp. Từ nhiều góc độ khác nhau, những nghiên cứu này đã làm sáng tỏ bản chất, đặc điểm và những hình thức của chủ nghĩa phát xít, góp phần làm rõ hơn nhiều vấn đề của lịch sử thế giới cận đại và cung cấp những tri thức có giá trị phục vụ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa

phát xít mới, ngăn ngừa thảm họa chiến tranh.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, trong mấy chục năm qua dường như không xuất hiện nghiên cứu mới nào về chủ nghĩa phát xít. Giới sử học và khoa học chính trị nước ta dường như đã yên tâm với những nhận định về chủ nghĩa phát xít do Dimitrov nêu ra từ tháng 7/1935.

Tương tự như vậy, việc tìm hiểu về bản chất chính trị của tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Việt Nam từ 1940 đến 1945 dường như cũng bị bỏ ngỏ. Các nghiên cứu nếu có đề cập đến vấn đề này đều mặc nhiên coi đó là kẻ thù của phong trào yêu nước và cách mạng. Cách nhìn nhận vấn đề như vậy là mới chỉ bó hẹp trong khung cảnh lịch sử của Việt Nam mà chưa xem xét vấn đề trong khung cảnh thế giới của thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ II.

Nhận ra “khoảng trống” đó, với cách tiếp cận văn hóa chính trị, trên cơ sở tiếp thu kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa phát xít của các học giả nước ngoài, nhất là giới khoa học Đức, tác giả đã phân tích và luận chứng đầy đủ về bản chất phát xít của tập đoàn thống trị Decoux. Đồng thời, dựa trên những sử liệu xác thực, tác giả đã chỉ ra quá trình tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Đông Dương tự phát xít hóa như thế nào.

Việc chỉ ra bản chất và đặc điểm phát xít của tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ II có ý nghĩa quan trọng xét cả trên phương diện học thuật và chính trị. Với kết quả nghiên cứu mà tác giả đưa ra, rõ ràng là tập đoàn thống trị thực dân Pháp ở Đông Dương từ 9/1940 đến 3/1945 đã đứng về phe Trục phát xít, và do vậy trở thành kẻ thù của phe Đồng

Minh chống phát xít. Vì vậy, không những việc quay lại tái chiếm Đông Dương của người Pháp sau Chiến tranh Thế giới thứ II không có cơ sở pháp lý quốc tế, mà lẽ ra, tập đoàn thực dân Pháp phải bị trừng trị như những kẻ tội phạm chiến tranh.

Kết quả nghiên cứu của tác giả cũng gián tiếp minh chứng cho tính chất dân tộc, dân chủ sâu sắc của cuộc vận động yêu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh. Suốt hơn 4 năm, nhân dân Việt Nam đã “gan góc” đứng về phe Đồng Minh chống phát xít, đấu tranh để tự giải phóng và góp phần vào nỗ lực chung của nhân loại nhằm diệt trừ chủ nghĩa phát xít. Việc các lực lượng Đồng Minh, cụ thể là quân Anh và quân Trung Hoa Quốc dân Đảng khi tiến vào giải giáp quân Nhật ở Việt Nam sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc lại không thừa nhận ngay tính chất hợp pháp của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không công nhận nền độc lập của dân tộc ta, rõ ràng là trái với thực tiễn lịch sử và pháp lý quốc tế lúc đó.

Mặc dù những vấn đề tác giả nêu ra trong 14 chuyên luận được tập hợp trong cuốn sách không phải đều là những vấn đề mới, và những phân tích cũng như những kiến giải mà tác giả đề xuất cũng không phải là những vấn đề dễ đạt được sự nhất trí cao trong giới nghiên cứu, nhưng nhìn chung có thể nói tất cả những vấn đề được nêu ra đó đều đáng được suy nghĩ và tranh luận. Những tìm tòi và khám phá học thuật của tác giả là rất đáng ghi nhận, nhất là về các khía cạnh lý thuyết khoa học và cách tiếp cận.